

Số: 3146 /BC-UBND

Cao Bằng, ngày 15 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023; nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2024

(Phục vụ Kỳ họp HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026)

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Cao Bằng báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2024 như sau:

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của địa phương

1. Về công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP)

Căn cứ chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh uỷ và Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước (*cơ quan, đơn vị, địa phương*) trên địa bàn tỉnh quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân thực hiện các quy định, chính sách, pháp luật về THTK, CLP như:

- Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023;

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật THTK, CLP gắn với đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Mở rộng các hình thức tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên trang thông tin điện tử của tỉnh và các cơ quan; lồng ghép tuyên truyền THTK, CLP trong các hội nghị sơ kết, tổng kết, hội nghị cán bộ công chức, viên chức của cơ quan;

- Các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo địa phương luôn bám sát, tuyên truyền kịp thời các chủ trương, chính sách, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về THTK, CLP tới đông đảo nhân dân trong tỉnh, cụ thể trong năm 2023, đã đăng tải trên 310 tin, bài, ảnh, phóng sự ... liên quan tới THTK, CLP.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP và việc THPTK, CLP

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Chương trình THPTK, CLP và việc THPTK, CLP

Ngày 31/01/2023, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 75/QĐ-UBND về Chương trình THPTK, CLP năm 2023 của tỉnh. Trong đó, đề ra các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm và một số chỉ tiêu để triển khai thực hiện THPTK, CLP trên địa bàn tỉnh trong năm 2023; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng chương trình THPTK, CLP nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, tiêu chí đánh giá tiết kiệm, chống lãng phí; xác định rõ nội dung trọng tâm và các giải pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu THPTK, CLP gắn với việc thanh tra, kiểm tra, giám sát.

b) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP và việc THPTK, CLP

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Giám đốc các sở, ban, ngành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được UBND tỉnh quyết định thành lập khẩn trương xây dựng, ban hành Chương trình THPTK, CLP năm 2023 của sở, ngành, địa phương, đơn vị. Trong đó yêu cầu mỗi cấp, mỗi ngành cần cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí; xác định rõ nhiệm vụ, lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm thuộc địa bàn, lĩnh vực phụ trách cũng như những giải pháp, biện pháp cần thực hiện trong năm 2023 để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đặt ra.

Cùng với đó, UBND tỉnh thường xuyên quán triệt các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố về việc:

- Xác định cụ thể trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức khi để xảy ra lãng phí tại cơ quan, đơn vị; trách nhiệm trong việc thực hiện kiểm tra, kịp thời làm rõ lãng phí khi có thông tin phát hiện để xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý có hành vi lãng phí.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THPTK, CLP năm 2023; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về THPTK, CLP và việc thực hiện Chương trình THPTK, CLP trong phạm vi quản lý.

- Tăng cường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức đoàn thể trong việc thực hiện Chương trình THPTK, CLP. Thực hiện công khai trong THPTK, CLP, đặc biệt là công khai các hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí; nâng cao chất lượng đánh giá kết quả THPTK, CLP đảm bảo so sánh một cách thực chất và minh bạch kết quả THPTK, CLP giữa các cơ quan, đơn vị.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPTK, CLP

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn liên quan tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THPTK, CLP; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực theo quy định của Luật THPTK, CLP và pháp luật chuyên ngành; chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra cụ thể liên quan đến THPTK, CLP, trong đó chú trọng xây dựng kế hoạch và tập trung tổ chức kiểm tra, thanh tra một số nội dung, lĩnh vực trọng điểm như: quản lý và sử dụng đất, trọng tâm là các dự án không đưa đất vào sử dụng, chậm sử dụng đất; tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư công; quản lý kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ.

II. Kết quả THPTK, CLP

1. Kết quả THPTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực

1.1. THPTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Trong năm 2023, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, đã ban hành mới 82 văn bản (*đạt 98% so với kế hoạch, bằng 101% so với năm 2022*); sửa đổi, bổ sung 18 văn bản (*đạt 106% so với kế hoạch, bằng 75% so với năm 2022*) quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu nội bộ. Các cơ quan, đơn vị chỉ trình cấp thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết.

Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ là 35 cuộc (*đạt 100% so với kế hoạch, bằng 146% so với năm 2022*).

1.2. THPTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1.2.1. Trong việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán

Để thực hiện tốt chỉ đạo của Trung ương về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, UBND tỉnh đã chỉ đạo việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của các cơ quan, ban, ngành, UBND các cấp phải gắn với các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước từ khâu lập, thẩm định, phê duyệt phân bổ dự toán; quản lý, sử dụng kiểm soát chi và quyết toán ngân sách nhà nước chặt chẽ. Kết quả cụ thể như sau:

a) Đối với việc thực hiện tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ: Trong năm 2023, tổng số kinh phí tiết kiệm được là 139.824 triệu đồng (*đạt 100% so với kế hoạch, bằng 112% so với năm 2022*), trong đó: cấp tỉnh thực hiện là 64.318 triệu đồng; cấp huyện, thành phố là 75.506 triệu đồng.

b) Đối với thực hiện thẩm định dự toán của các đơn vị: Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức là 277.400 triệu đồng (*bằng 51% so với năm 2022*), cụ thể:

- Tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:

Dự toán đầu năm: Tổng kinh phí các đơn vị đề nghị là 1.021.551 triệu đồng; số kinh phí thẩm định là 767.029 triệu đồng; số kinh phí tiết kiệm trong công tác thẩm định, phê duyệt dự toán là 254.522 triệu đồng, trong đó:

- + Kinh phí thực hiện sự nghiệp khoa học và công nghệ: 4.053 triệu đồng;
- + Kinh phí thực hiện sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 35.419 triệu đồng;
- + Kinh phí thực hiện sự nghiệp y tế: 22.021 triệu đồng;
- + Kinh phí thực hiện các sự nghiệp khác: 193.029 triệu đồng.

Dự toán bổ sung trong năm: số kinh phí tiết kiệm trong công tác thẩm định, phê duyệt dự toán là 22.241 triệu đồng.

- Tại các cơ quan, đơn vị cấp huyện: Số kinh phí tiết kiệm qua công tác thẩm định, phê duyệt dự toán là 637 triệu đồng.

1.2.2. Trong quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước

a) Về chi quản lý hành chính

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hạn chế tối đa việc tổ chức hội nghị, hội thảo, công tác phí, chi tiếp khách, khánh tiết, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm, chi đoàn ra, đoàn vào; không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để chi quà biếu, quà tặng không đúng chế độ quy định. Kết quả năm 2023 tiết kiệm 4.757 triệu đồng (đạt 93% so với kế hoạch, bằng 52% so với năm 2022), trong đó:

- Tiết kiệm văn phòng phẩm: 665 triệu đồng;
- Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc: 315 triệu đồng;
- Tiết kiệm sử dụng điện: 284 triệu đồng;
- Tiết kiệm xăng dầu: 570 triệu đồng;
- Tiết kiệm nước sạch: 114 triệu đồng;
- Tiết kiệm công tác phí: 572 triệu đồng;
- Tiết kiệm tổ chức hội nghị, hội thảo: 303 triệu đồng;
- Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm: 901 triệu đồng;
- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc: 1.034 triệu đồng.

b) Trong thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức

Trong năm 2023, số kinh phí tiết kiệm được là 11.807 triệu đồng (đạt 69% so với kế hoạch, bằng 56% so với năm 2022).

c) Trong quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu

Do hệ thống văn bản pháp lý, văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình ở cấp Trung ương ban hành chậm so với kế hoạch, nên ảnh hưởng đến tiến độ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phân bổ kế hoạch, giao vốn ngân sách trung ương năm 2023 và giai đoạn 2021-2025. Một số văn bản sau khi ban

hành đã phát sinh một số vướng mắc, bất cập, một số văn bản hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí của các bộ, ngành còn chưa cụ thể, chưa có sổ tay hướng dẫn thực hiện tiêu chí nên khó khăn trong việc đánh giá kết quả thực hiện. Nguồn kinh phí Nhà nước thực hiện Chương trình còn rất hạn chế so với mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Nguồn lực huy động tại chỗ gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là nguồn huy động đóng góp từ các tổ chức (Doanh nghiệp, Hợp tác xã...) và nhân dân ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân nguồn vốn đạt thấp.

Mặc dù vậy, việc phân bổ kinh phí luôn tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức theo quy định của Trung ương và Nghị quyết của HĐND tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý và sử dụng kinh phí đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Kết quả năm 2023, số kinh phí tiết kiệm được là 71 triệu đồng (*bằng 36% so với kế hoạch năm 2023*).

d) Về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Sử dụng kinh phí đúng mục đích, không trùng lặp với các nguồn kinh phí khác, ưu tiên bố trí kinh phí cho nhiệm vụ kết thúc trong năm 2023.

đ) Về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo

Tiếp tục đảm bảo chi cho các hoạt động chung của ngành có hiệu quả, tiết kiệm. Mọi hoạt động đều phải có kế hoạch, dự toán được lãnh đạo phê duyệt trước khi thực hiện. Việc thanh, quyết toán đảm bảo đầy đủ các thủ tục theo quy định của nhà nước, tránh lãng phí trong sử dụng ngân sách.

đ) Về quản lý, sử dụng kinh phí y tế

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ y tế được thực hiện đúng theo chế độ nhà nước quy định. Kết quả kinh phí y tế tiết kiệm được là 18.256 triệu đồng (*đạt 100% so với kế hoạch, bằng 116% so với năm 2022*).

1.2.3. Trong sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ

Trong năm 2023, số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, không đúng chế độ đã phát hiện được là 52 đơn vị (*bằng 111% so với năm 2022*). Số tiền chi không đúng quy định đã phát hiện là 1.206 triệu đồng (*bằng 109% so với năm 2022*).

1.3. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện mua sắm tài sản theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ hiện hành, đặc biệt phải tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản có liên quan, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; cùng với đó, đẩy mạnh việc mua sắm tập trung để nâng cao hiệu quả và tiết kiệm trong mua sắm tài sản.

Đối với mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại: chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục rà soát xe ô tô, quản lý chặt chẽ, bố trí sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng

theo tiêu chuẩn định mức tại Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng.

Năm 2023, UBND tỉnh đã ban hành quyết định thanh lý 12 xe, đồng thời ban hành Quyết định mua mới 25 xe ô tô, gồm 11 xe ô tô phục vụ công tác chung, 14 xe ô tô cứu thương.

1.4. THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

1.4.1. Trong đầu tư xây dựng

Việc bố trí vốn chi đầu tư được thực hiện đúng theo quy định tại Luật Đầu tư công và các văn bản có liên quan. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư xây dựng các dự án đảm bảo theo kế hoạch; tập trung hoàn tất ứng ngân sách và quyết toán các dự án hoàn thành theo quy định; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn đã được phân bổ trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả. Qua đó, đã tiết kiệm được 24.238 triệu đồng (bằng 79% so với năm 2022), trong đó:

- Tiết kiệm từ thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán là 364 triệu đồng (bằng 8 % so với năm 2022);

- Tiết kiệm từ thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh là 6.738 triệu đồng (bằng 29 % so với năm 2022);

- Tiết kiệm từ Thực hiện đầu tư, thi công là 15.325 triệu đồng (đạt 143% so với kế hoạch, bằng 1.371% so với năm 2022);

- Tiết kiệm do thẩm tra, phê duyệt quyết toán là 1.810 (bằng 108 % so với năm 2022) triệu đồng.

1.4.2. Đối với việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, công trình phúc lợi công cộng

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố hoàn thiện hồ sơ, giấy tờ pháp lý của các cơ sở nhà, đất theo phương án tổng thể được phê duyệt. Đồng thời, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, UBND tỉnh đã điều chỉnh danh mục, thông tin, phương án sắp xếp, bổ sung 83 cơ sở nhà, đất chưa thực hiện sắp xếp vào phương án tổng thể sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của địa phương. Sau khi điều chỉnh, bổ sung, tổng số cơ sở nhà, đất được phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng là 2.456 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích đất là 5.859.949,15 m²; tổng diện tích sàn sử dụng là 2.242.158,63 m², trong đó:

- Giữ lại tiếp tục sử dụng: 1.983 cơ sở nhà, đất;

- Thu hồi: 01 cơ sở nhà, đất;

- Điều chuyển: 392 cơ sở nhà, đất;

- Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất: 72 cơ sở nhà, đất;

- Chuyên giao về địa phương quản lý, xử lý: 08 cơ sở nhà, đất.

1.5. THPT, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên

1.5.1. Về quản lý đất đai

a) Quản lý, sử dụng đất

Công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh được thực hiện đảm bảo theo nguyên tắc sử dụng đất được quy định trong Luật Đất đai: Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đúng mục đích sử dụng đất; tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và không làm tổn hại đến lợi ích chính đáng của người sử dụng đất. Căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất bám sát Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; tránh tình trạng cho thuê đất trái thẩm quyền.

b) Lập kế hoạch sử dụng đất

- Đối với cấp tỉnh:

Thực hiện Công văn số 315/TTg-NN ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 cấp tỉnh và lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030. UBND tỉnh đang chỉ đạo cơ quan chuyên môn hoàn thiện Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 -2025) cấp tỉnh, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh, tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm (2021-2025) theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Dự kiến sẽ hoàn thành hồ sơ và trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngay sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

- Đối với cấp huyện:

Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt trong tháng 12/2022. Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được ban hành hàng năm, đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của công trình, dự án và các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Trong năm 2023, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua bổ sung, điều chỉnh Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng 03 đợt; UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện 25 lượt.

Kế hoạch sử dụng đất đã được UBND cấp huyện công bố, công khai tại trụ sở UBND cấp huyện, trụ sở UBND cấp xã và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện theo quy định hiện hành, góp phần nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai của các tổ chức, cá nhân.

c) Về khai thác sử dụng diện tích đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng của tỉnh từng bước được khai thác đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt,

vừa đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả góp phần đạt được các mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh. Theo Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023, kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng là 111,39 ha.

d) Công tác giao thuê đất

Công tác giao thuê đất được thực hiện tuân thủ theo quy định của pháp luật về đất đai góp phần đảm bảo sự bình đẳng trong việc tiếp cận đất đai của các thành phần kinh tế, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả.

1.5.2. Về quản lý tài nguyên, khoáng sản

Trong năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng từng loại tài nguyên, khoáng sản... để góp phần THPT,CLP trong việc khai thác và sử dụng tài nguyên, thực hiện nghiêm túc các quy định, quyết định trong việc tái tạo, bảo vệ phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Cùng với đó, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan và các địa phương tăng cường công tác kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, nghĩa vụ theo quy định pháp luật đối với hoạt động khai thác khoáng sản gắn với công tác bảo vệ môi trường; thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh nhằm ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, làm thất thoát tài nguyên khoáng sản của nhà nước. Kết quả, đã xử lý 18 vụ và thu phạt trong lĩnh vực quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác số tiền là 373 triệu đồng (bằng 36% so với năm 2022).

1.5.3. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng

UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND các huyện, thành phố quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, giám sát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi người dân đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn trong quản lý bảo vệ rừng. Giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật; nâng cao trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của cấp ủy chính quyền địa phương nhằm quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên rừng.

1.6. THPT, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

1.6.1. Trong tổ chức bộ máy

a) Tình hình triển khai các quy định về tổ chức bộ máy

Trong năm, UBND tỉnh đã triển khai các quy định về tổ chức bộ máy và đã cụ thể hóa tại Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh về việc quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Cao Bằng.

b) Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành quản lý về lĩnh vực, trong năm 2023 (tính đến ngày 10/10/2023), UBND tỉnh Cao Bằng đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 03 sở¹. Hiện nay, còn 02 sở, ngành đang xây dựng² chưa có Quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức do chưa có hướng dẫn của Bộ, ngành quản lý về lĩnh vực.

Trong năm, Chủ tịch UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của 10 đơn vị sự nghiệp công lập³;

c) Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Tiếp tục thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh việc sắp xếp tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy trong các cơ quan đơn vị hành chính và cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Kết quả rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy như sau:

- Đổi tên 04 Ban Quản lý cửa khẩu thành Văn phòng quản lý cửa khẩu⁴. Giải thể Trạm Kiểm lâm bảo vệ khu rừng đặc dụng Phia Oắc - Phia Đén thuộc Hạt Kiểm lâm huyện Nguyên Bình;

- Tổ chức lại 14 đơn vị sự nghiệp công lập⁵ (giảm 04 đơn vị sự nghiệp công lập);

¹ Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

² Thanh tra tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

³ Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức: Trung tâm Công nghệ số và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; 03 đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Trợ giúp pháp lý, Phòng Công chứng số 1 tỉnh Cao Bằng, Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản thuộc Sở Tư pháp; Thư viện tỉnh, Trung tâm Văn hóa và Thông tin du lịch; Trung tâm Đào tạo, thi đấu Thể thao và nghệ thuật, thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

⁴ Đổi tên: (1) Ban Quản lý cửa khẩu Lý Vạn thành Văn phòng quản lý cửa khẩu Lý Vạn; (2) Ban Quản lý cửa khẩu Tà Lùng thành Văn phòng quản lý cửa khẩu Tà Lùng; (3) Ban Quản lý cửa khẩu Trà Lĩnh thành Văn phòng quản lý cửa khẩu Trà Lĩnh; (4) Ban Quản lý cửa khẩu Sóc Giang thành Văn phòng quản lý cửa khẩu Sóc Giang.

⁵ (1) Đổi tên Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Quang Trọng thành Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Quang Trọng; (2) đổi tên Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông thành Trung tâm Công nghệ số và Truyền thông; (3) sáp nhập Trường Trung học cơ sở Thái Học và Trường Trung học cơ sở Minh Thanh thành Trường Trung học cơ sở Minh Thanh. (4) Sáp nhập Trường Tiểu học Nặm Nhũng và Trường Tiểu học Kéo Yên thành Trường Tiểu học Nặm Nhũng; (5) sáp nhập Trường Mầm non Cài Viên và Trường Mầm non Vân An thành Trường Mầm non Cài Viên; (6) sáp nhập Trường Mầm non Nặm Nhũng và Trường Mầm non Kéo Yên thành Trường Mầm non Nặm Nhũng; (7) đổi tên Ban quản lý rừng đặc dụng Phia Oắc -Phia Đén thành Ban quản lý Vườn quốc gia Phia Oắc -Phia Đén; (8) đổi tên Trường Tiểu học Xuân Trường thành Trường phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học Xuân Trường; (9) đổi tên Trường phổ thông cơ sở Thụy Hùng thành Trường Tiểu học và

- Giải thể 04 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn⁶;
- Chỉ đạo xây dựng Đề án tổ chức lại 02 cơ quan, đơn vị⁷;
- Phê duyệt Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trực thuộc Sở Y tế là cơ sở y tế dự phòng.

d) Về tinh giản biên chế

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Tính đến năm 2023, tỉnh đã nghiêm túc thực hiện việc giảm trừ biên chế quy định giai đoạn năm 2022 - 2026 (*giảm trừ 5% biên chế công chức và 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước*), cụ thể:

- Đã giảm 0,8% biên chế công chức so với năm 2021 (*năm 2021 giao 2.075 biên chế; năm 2023 giao 2.057 biên chế; số biên chế đã giảm trừ là 18 biên chế*);
- Giảm 3,66% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021 (*năm 2021 giao 16.041 người hưởng lương từ NSNN; năm 2023 giao 15.658⁸ người hưởng lương từ NSNN; giảm 587 người hưởng lương từ NSNN*).

Trong năm, UBND tỉnh cũng đã phê duyệt danh sách và cấp kinh phí giải quyết chính sách tinh giản biên chế năm 2023 cho 171 người.

1.6.2. Đối với công tác quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục đổi mới, hoạt động có hiệu quả gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, người lao động; thực hiện quản lý chặt chẽ thời gian lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo hiệu quả công việc; nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong quản lý; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội quy, quy chế về thời gian làm việc.

1.7. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

Thực hiện công khai, minh bạch trong đầu tư, quản lý tài chính, mua sắm, phân phối thu nhập, công tác cán bộ; nguồn vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển; hiệu quả hoạt động ngày càng được nâng cao; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, sử dụng đất, tài sản đúng mục đích được giao.

1.8. Trong quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Trung học cơ sở Thụy Hùng; (9) đổi tên Trường Phổ thông cơ sở Tiên Hoàng thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tiên Hoàng.

⁶ (1) Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Nguyên Bình; (2) Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Thạch An; (3) Ban Quản lý rừng phòng hộ sông Lô Gâm huyện Bảo Lạc; (4) Ban quản lý rừng phòng hộ sông Quay Sơn huyện Trùng Khánh.

⁷ Đề án Tổ chức lại Ban quản lý rừng đặc dụng Phia Oắc -Phia Đén trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT thành Ban quản lý Vườn quốc gia Phia Oắc -Phia Đén trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Cao Bằng; tổ chức lại Cơ quan điều hành Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng.

⁸ Trong đó, năm 2023 được giao bổ sung 228 biên chế giáo viên cho năm học 2022-2023.

Việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước được thực hiện theo đúng quy định; UBND tỉnh chỉ đạo thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của các Quỹ để có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý và sử dụng các Quỹ. Các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước đã góp phần cùng với ngân sách nhà nước thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương.

1.9. THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan truyền thông, các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức đoàn thể thường xuyên tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức về THTK, CLP trong sản xuất và tiêu dùng, dành nguồn lực đầu tư vào sản xuất, kinh doanh.

Chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, Thành phố vận động các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp, cán bộ, công chức và người dân tham gia vào các hoạt động của Chiến dịch Giờ Trái đất; tăng cường công tác tuyên truyền sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả qua đó tác động tích cực đến ý thức sử dụng năng lượng của cán bộ, công chức và người dân.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí

Trong năm 2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là trong lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, tài chính công, tài nguyên, khoáng sản. Tổ chức thanh tra chuyên đề hoặc thanh tra thường xuyên. Nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ kết luận thanh tra để sớm thu hồi, xử lý tài sản thất thoát, lãng phí và kịp thời xử lý, khắc phục hậu quả, cũng như đưa các tài sản, nguồn vốn sớm vào khai thác, sử dụng; tiếp tục đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra. Kết quả cụ thể như sau:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện là 37 cuộc (*đạt 82% so với kế hoạch, bằng 70% so với năm 2022*);
- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành là 25 cuộc (*đạt 78% so với kế hoạch, bằng 63% so với năm 2022*);
- Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP là 61 cơ quan, đơn vị (*đạt 87% so với kế hoạch, bằng 113% so với năm 2022*);
- Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện là 23 (*bằng 72% so với năm 2022*);
- Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát là 727 triệu đồng (*bằng 23% so với năm 2022*);
- Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi là 727 triệu đồng (*bằng 24% so với năm 2022*).

3. Đánh giá chung

3.1. Đánh giá kết quả đạt được

Trên cơ sở Chương trình THPTK, CLP năm 2023 của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã khẩn trương triển khai và xây dựng, ban hành Chương trình, kế hoạch THPTK, CLP của ngành, đơn vị, địa phương; thường xuyên tuyên truyền phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về THPTK, CLP đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

Các ngành, các cấp quản lý thu, chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả hơn; cơ cấu chi ngân sách có chuyển biến tích cực, tập trung nhiều nguồn lực hơn cho chi đầu tư phát triển, bước đầu đã khắc phục được tình trạng đầu tư dàn trải; bảo đảm các khoản chi an sinh xã hội và các lĩnh vực quan trọng.

Thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính, đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan đã góp phần tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Kiểm soát chặt chẽ công tác thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán; hồ sơ thẩm định quyết toán; công tác đấu thầu, thẩm định kết quả đấu thầu, chào hàng cạnh tranh đối với các dự án sử dụng ngân sách Nhà nước; thực hiện nghiêm túc quy trình thẩm tra hồ sơ quyết toán các công trình hoàn thành.

Việc lập kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật đã góp phần tránh lãng phí trong việc sử dụng đất đai, sử dụng đúng mục đích đề ra.

Các doanh nghiệp quản lý vốn Nhà nước đã nâng cao hiệu quả công tác quản lý, mở rộng kinh doanh, tăng cường quản lý các định mức tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm trong định mức.

3.2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác THPTK, CLP còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

3.2.1. Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP và việc THPTK, CLP

Chương trình THPTK, CLP của một số cơ quan, đơn vị còn chung chung, chưa xây dựng chỉ tiêu kế hoạch tiết kiệm cụ thể, chưa xác định được các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung chỉ đạo, chưa bám sát vào đặc điểm, đặc thù của từng đơn vị để đặt ra chương trình hành động thiết thực; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác THPTK, CLP, tự kiểm tra chưa được phát huy.

Chế độ thực hiện thông tin, báo cáo của một số các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và doanh nghiệp chưa kịp thời, chất lượng báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu, số liệu báo cáo chưa đầy đủ, khó khăn cho công tác tổng hợp báo cáo tình hình THPTK, CLP của tỉnh.

3.2.2. Đối với lập dự toán ngân sách nhà nước

Việc lập dự toán ngân sách nhà nước tại một số cơ quan, đơn vị còn chưa sát thực tế, chưa tuân thủ các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ, chưa quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

3.2.3. Về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

Tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công trong năm vẫn còn thấp so với kế hoạch vốn giao, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn. Nguyên nhân chậm do phải thực hiện xong phần bồi thường, hỗ trợ tái định cư thì mới triển khai được dự án. Trong khi đó, khâu chuẩn bị đầu tư kéo dài do gồm nhiều bước từ lập chủ trương đầu tư, lập dự án đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, dự toán, lập hồ sơ mời thầu.

3.2.4. Về quản lý, sử dụng tài sản công

Việc quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan đến cơ sở nhà, đất chưa chặt chẽ. Một số đơn vị chưa thật sự quan tâm chỉ đạo trong công tác sắp xếp nhà, đất theo quy định; một số đơn vị chưa nghiên cứu, cập nhật các quy định chưa đầy đủ dẫn đến việc thực hiện thống kê còn sai các biểu mẫu, kê khai chưa đầy đủ cơ sở nhà, đất.... Các cơ quan, địa phương phải rà soát lại các số liệu cho phù hợp với quy định mới, làm kéo dài thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Nghị định 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Một số đơn vị chưa nhận thức đầy đủ mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác quản lý, sử dụng tài sản công, chưa chấp hành đầy đủ các chế độ báo cáo tài sản công.

Một số cơ sở nhà, đất cách xa khu dân cư, địa hình đồi núi, giao thông đi lại không thuận tiện, điều kiện kinh tế của người dân còn nhiều khó khăn, một số cơ sở nhà, đất như các trường học (*đặc biệt là các phân trường, điểm trường*) có nhiều ngôi nhà, giá trị tài sản trên đất lớn nên việc khai thác các cơ sở nhà, đất dôi dư theo hình thức Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết... không khả thi.

Một số trụ sở khi thực hiện sáp nhập không có đơn vị nào có nhu cầu sử dụng; một số trụ sở có nhu cầu sử dụng tuy nhiên việc điều chuyển, chuyển giao cho các đơn vị có nhu cầu khi thực hiện gặp nhiều khó khăn như việc điều chuyển trụ sở cho Công an xã quản lý, sử dụng cần có quy hoạch đất quốc phòng, an ninh để làm căn cứ trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định điều chuyển do vậy mất rất nhiều thời gian; một số trụ sở có thể điều chuyển cho các đơn vị khác sử dụng, tuy nhiên việc điều chuyển lại không đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo quy định...

3.2.5. Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Một số phòng chuyên môn sau sáp nhập hoạt động chưa thật sự hiệu quả do một số chức năng, nhiệm vụ chưa tương đồng. Số lượng công chức lãnh đạo, quản lý dôi dư khó bố trí do sắp xếp, tổ chức lại bộ máy.

Việc chuyển đổi cơ chế tài chính của các đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên sang đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên còn gặp nhiều khó khăn.

Với tình hình kinh tế và mức thu nhập bình quân đầu người đang ở mức thấp thì việc tăng mức độ tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập là vấn đề vướng mắc của tỉnh khi thực hiện Kết luận số 28-KL/TW của Bộ Chính trị.

Một số đơn vị sự nghiệp công lập sau khi thực hiện sáp nhập, giải thể, giảm các đầu mối dẫn đến việc dư số lượng cấp phó so với quy định, việc bố trí công tác cho viên chức gặp khó khăn.

Chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc trong nhiều đơn vị sự nghiệp công lập được giao thấp, chưa đảm bảo theo định mức tối thiểu, các đơn vị còn thiếu nhân lực so với yêu cầu nhiệm vụ (*nhất là trong lĩnh vực giáo dục*). Số biên chế được giao cho một số đơn vị sự nghiệp công lập hiện nay (*không phải đơn vị cung cấp dịch vụ cơ bản, thiết yếu*) chưa đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu là 15 người.

Số đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên còn ít. Nguồn thu từ phí, thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp của một đơn vị sự nghiệp công lập không ổn định, làm ảnh hưởng đến khả năng tăng mức độ tự chủ đề tiên tới tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên.

3.2.6. Về kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THTK, CLP

Việc kiểm tra, tự phát hiện các vụ việc lãng phí trong quá trình tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, đơn vị vẫn còn hạn chế. Hầu hết các vụ việc được phát hiện do quá trình kiểm tra, thanh tra của cơ quan các cấp.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp THTK, CLP trong năm 2024

Trên cơ sở kết quả đạt được và những hạn chế trong công tác THTK, CLP năm 2023, UBND tỉnh xác định nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong năm 2024 như sau:

1. Trong công tác quán triệt, tuyên truyền về THTK, CLP

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nhằm thay đổi nhận thức, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP tại từng cơ quan, tổ chức, cá nhân, cả khu vực công cũng như khu vực tư để THTK, CLP thực sự trở thành văn hóa ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

2. Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP

Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và báo cáo việc thực hiện Chương trình THTK, CLP theo hướng vừa đảm bảo tính tổng thể, toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm.

3. Đối với quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước

Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn trong tất cả các khâu lập, xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước. Xây dựng dự toán chi ngân sách đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định đảm bảo tiết

kiệm, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế. Tổ chức thực hiện dự toán chi ngân sách chặt chẽ, đảm bảo kỷ cương, kỷ luật tài chính trong phạm vi dự toán được giao; thực hiện triệt để tiết kiệm toàn diện trên các nội dung chi, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách gắn với việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị. Việc quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phải căn cứ vào định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

4. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị dự án đầu tư, lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm, tiềm lực thực sự, để đẩy nhanh tiến độ, tránh gây mất thời gian và làm chậm tiến độ giải ngân vốn.

Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư công, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án để thúc đẩy giải ngân vốn. Có chế tài xử lý nghiêm theo quy định pháp luật đối với các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

5. Trong quản lý, sử dụng tài sản công

Thực hiện mua sắm tài sản đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn; tiếp tục thực hiện kê khai, đăng nhập thông tin về tài sản công đầy đủ, kịp thời vào cơ sở dữ liệu quốc gia.

6. Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Tiếp tục rà soát lại các phòng, ban, tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị, địa phương theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả, gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, tinh giản biên chế; đánh giá thực trạng việc sử dụng biên chế hiện nay của cơ quan, đơn vị mình (*biên chế đã giao, biên chế đã sử dụng*); đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; dự kiến số lượng sẽ nghỉ hưu, nhu cầu tuyển dụng công chức, viên chức, người lao động; rà soát, đánh giá việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức và xác định nhu cầu biên chế.

Quản triệt các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nghiêm túc Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ về tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm tăng tỷ lệ giảm chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập hoặc chuyển đổi cơ chế tài chính của các đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên sang đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính thực thi công vụ; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ

được giao; xử lý nghiêm hành vi những nhiều, tiêu cực, vi phạm pháp luật, sách nhiễu người dân và doanh nghiệp.

Xây dựng, đổi mới cơ chế tài chính theo hướng ban hành danh mục, định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ trong lĩnh vực cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước; xây dựng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp công, các tổ chức cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên.

7. Trong quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên

Công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật bằng các hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra; rà soát, đánh giá đúng thực trạng các dự án không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất trên phạm vi toàn tỉnh, đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tổ chức chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả các giải pháp, biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm giải phóng nguồn lực đất đai, đẩy nhanh việc thực hiện dự án, đưa đất đai vào sử dụng có hiệu quả, phát huy nguồn lực đất đai.

8. Công tác quản lý vốn tại Doanh nghiệp nhà nước

Chỉ đạo cơ quan chuyên môn: Hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện báo cáo, quản lý tài chính theo Luật kế toán; Luật doanh nghiệp; Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc sử dụng vốn nhà nước được hiệu quả, đúng quy định của pháp luật; Tham mưu, tổ chức thực hiện thoái vốn nhà nước, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch.

9. Trong quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Đẩy nhanh tiến độ rà soát, sắp xếp các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo đúng quy định pháp luật và Nghị quyết của Quốc hội.

10. Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

Phát động cuộc vận động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tổ chức phong trào thi đua về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất, tiêu dùng ở mọi cấp, mọi ngành và trong nhân dân với chủ đề, nội dung, hình thức thiết thực, hiệu quả. Kịp thời biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

11. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực theo quy định của Luật THTK, CLP và pháp luật chuyên ngành. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra cụ thể liên quan đến THTK, CLP, trong đó cần chú trọng:

- Thủ trưởng các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị cấp dưới trực thuộc.

- Thủ trưởng các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị cấp dưới trực thuộc.

- Đối với những vi phạm được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, thủ trưởng đơn vị phải khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp xử lý. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về xử lý vi phạm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các cá nhân để xảy ra lãng phí. Quyết liệt trong xử lý kết quả thanh tra, kiểm tra để thu hồi tối đa cho Nhà nước tiền, tài sản bị vi phạm, chiếm đoạt, sử dụng sai quy định, lãng phí phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT, TH.



Hoàng Xuân Ánh

UBND TỈNH CAO BẰNG



Phụ lục I
KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Năm 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 3146 /BC-UBND ngày 15 / 11 / 2023 của UBND tỉnh Cao Bằng)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kết quả Năm 2023	So sánh năm trước/kế		Ghi chú
						So với năm	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	Văn bản	81	84	82	101%	98%	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	Văn bản	24	17	18	75%	106%	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	24	35	35	146%	100%	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện, xử lý	Vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi hành tiền VNĐ)	Triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		669.033	139.824	417.224	62%	298%	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng	544.325		277.400	51%		

1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	Triệu đồng	124.708	139.824	139.824	112%	100%
	<i>Trong đó: - Các đơn vị dự toán cấp tỉnh</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>57.365</i>	<i>64.318</i>	<i>64.318</i>	<i>112%</i>	<i>100%</i>
	<i>- Ngân sách cấp huyện, thành phố</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>67.343</i>	<i>75.506</i>	<i>75.506</i>	<i>112%</i>	<i>100%</i>
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng					
1.4	Các nội dung khác						
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN (cộng từ 2.1+ + đến 2.7)		46.227	40.787	35.241	76%	86%
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	Triệu đồng	9.070	5.109	4.757	52%	93%
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>828</i>	<i>691</i>	<i>665</i>	<i>80%</i>	<i>96%</i>
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>465</i>	<i>291</i>	<i>315</i>	<i>68%</i>	<i>108%</i>
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>535</i>	<i>283</i>	<i>284</i>	<i>53%</i>	<i>100%</i>
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>782</i>	<i>591</i>	<i>570</i>	<i>73%</i>	<i>96%</i>
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>146</i>	<i>84</i>	<i>114</i>	<i>78%</i>	<i>135%</i>
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.541</i>	<i>583</i>	<i>572</i>	<i>37%</i>	<i>98%</i>
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>492</i>	<i>381</i>	<i>303</i>	<i>61%</i>	<i>79%</i>
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.490</i>	<i>1.239</i>	<i>901</i>	<i>60%</i>	<i>73%</i>
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>2.790</i>	<i>966</i>	<i>1.034</i>	<i>37%</i>	<i>107%</i>
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	Triệu đồng	532	200	350	66%	175%
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại	Triệu đồng					
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	532	200	350	66%	
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>Triệu đồng</i>					
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ...</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>529</i>		<i>150</i>	<i>28%</i>	
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>					
	<i>Các nội dung khác</i>	<i>Triệu đồng</i>		<i>200</i>	<i>200</i>		<i>100%</i>
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Triệu đồng	20.902	17.022	11.807	56%	69%
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	Triệu đồng		200	71		36%
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	Triệu đồng					

2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	Triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	Triệu đồng	15.710	18.256	18.256	116%	100%	
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị	489	484	484	99%	100%	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị	47		52	111%		
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	Triệu đồng	1.108		1.206	109%		
4	Các nội dung khác	Triệu đồng						
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (xe ô tô)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	Chiếc	316	316	316	100%	100%	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận đ/chuyển)	Chiếc		25	2		8%	
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc		12	12		100%	
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, đ/chuyển, thu hồi	Tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	Tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	Triệu đồng						
3	Các nội dung khác	Triệu đồng						
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							

1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	Dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	30.695		24.238	79%		
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng	4.722		364	8%		
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ...	Triệu đồng	23.174		6.738	29%		
	- Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng	1.117	10.697	15.325	1371%	143%	
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	1.682		1.810	108%		
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	Triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	- Số lượng	Dự án						
	- Giá trị đầu tư phải thanh toán	Triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	2.164.478	2.162.278	2.162.278	100%	100%	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận đ/chuyển	m2		77.901	77.901		100%	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	2.209	1.980	1.980	90%	100%	
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	5.593	5.593	5.593	100%	100%	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						

3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Triệu đồng					
4	Các nội dung khác						
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên						
1	Quản lý, sử dụng đất						
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm P.luat	m2	9.118		3.115	34%	
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2	22.178		2.001	9%	
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	470		136	29%	
1.4	Các nội dung khác						
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác						
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, SD tài nguyên	Vụ	18		18	100%	
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	1.028		373	36%	
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được						
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	Dự án					
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	Triệu đồng					
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt						
4	Các nội dung khác						
4.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	Vụ					
4.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng					
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước						
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	Vụ					
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng					
3	Các nội dung khác						

VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh (1.1 +...+ 1.6)		796	773	140	18%	18%	
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng	42	38	8	18%	18%	
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng	633	612	9	19%	21%	
	- Tiết kiệm điện	Kw/h	290.672	234.983	660	1%	1%	
	- Tiết kiệm xăng, dầu	Lít	226	300	300	0%	0%	
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	30	30	30	133%	100%	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến k.thuật	Triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký (chi phí khác)	Triệu đồng	46	47	47	102%	100%	
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng	46	47	47	102%	100%	
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án	28	25	15	102%	100%	
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án	28	25	15	102%	100%	
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được:							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	Triệu đồng						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	Triệu đồng						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	Triệu đồng						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	Triệu đồng						
3	Sử dụng các nguồn kinh được cấp từ NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	Triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	Triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	Triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	Chiếc	6	6	6	100%	100%	
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	Chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	Triệu đồng						

	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	Chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	Triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ							
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	Chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	Triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	Triệu đồng	679	677	626	92%	92%	
	Số cuối kỳ	Triệu đồng	677	600	580	86%	97%	
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	Triệu đồng	666.938	669.604	684.676	103%	102%	
	Số cuối kỳ	Triệu đồng	669.604	672.274	686.241	102%	102%	
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc	53	45	37	70%	82%	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	Cuộc	40	32	25	63%	78%	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	54	70	61	113%	87%	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	32		23	72%		
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng	3.134		727	23%		
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	Triệu đồng	3.047		727	24%		

UBND TỈNH CAO BẰNG



Phụ lục II

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DO NHÀ NƯỚC NÂM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ

Kỳ báo cáo: Năm 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 3146 /BC-UBND ngày 15 / 11 /2023 của UBND tỉnh Cao Bằng) *[Signature]*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kết quả năm 2023	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm 2022	So sánh với KH 2023	
1	2	3	4	5	6	7 = 6/4	8 = 6/5	9
I	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh		796	773	140	18%	18%	
1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng	42	38	8	19%	21%	
2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng	633	612	9	1%	1%	
2.1	Tiết kiệm điện	Kw/h	290.672	234.983	660	0%	0%	
2.2	Tiết kiệm xăng, dầu	Lít	226	300	300	133%	100%	
3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	30	30	30	100%	100%	
4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Triệu đồng						
5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký (chi phí khác)	Triệu đồng	46	47	47	102%	100%	
6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng	46	47	47	102%	100%	
II	Quản lý đầu tư xây dựng							
1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án	28	25	15	102%	100%	
2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án	28	25	15	102%	100%	
3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
3.1	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng						
3.2	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ...	Triệu đồng						
3.3	Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng						

3.4	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng						
4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
4.1	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	Dự án						
4.2	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	Triệu đồng						
5	Các nội dung khác							
III	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước							
1	Số tiền tiết kiệm được	Triệu đồng						
2	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được	Triệu đồng						
3	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	Triệu đồng						
IV	Mua sắm phương tiện							
1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	Chiếc	6	6	6	100%	100%	
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	Chiếc						
1.3	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	Triệu đồng						
1.4	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	Chiếc						
1.5	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	Triệu đồng						
2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc						
2.1	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	Chiếc						
2.2	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	Triệu đồng						
V	Nợ phải thu khó đòi							
1	Số đầu kỳ	Triệu đồng	679	677	626	92%	92%	
2	Số cuối kỳ	Triệu đồng	677	600	580	86%	97%	
VI	Vốn chủ sở hữu							
1	Số đầu năm	Triệu đồng	666.938	669.604	684.676	103%	102%	
2	Số cuối năm	Triệu đồng	669.604	672.274	686.241	102%	102%	